

KHUYNH HƯỚNG NHÂN VĂN TRONG TẬP THƠ *ÁNH TRẮNG* CỦA NGUYỄN DUY

PHAN THỊ QUỲNH NHƯ¹

TÓM TẮT

*Văn học là nhân học, là một phương tiện quan trọng giúp con người trở thành “Con Người” theo đúng nghĩa của từ này. Mỗi nhà nghệ sĩ chân chính luôn mặc định trong họ sự trăn trở, hoài bão hướng về con người và tình thương yêu đồng loại. Đó là những biểu hiện của nhân văn mà họ đã gửi gắm trong tác phẩm của mình. Để hiểu thêm vấn đề này, chúng tôi nghiên cứu biểu hiện khuynh hướng nhân văn trong tập thơ *Ánh trắng* của Nguyễn Duy.*

1. KHÁI NIỆM VỀ CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN
Theo *Từ điển thuật ngữ văn học* do nhóm tác giả Trần Đình Sử, Lê Bá Hán và Nguyễn Khắc Phi biên soạn thì chủ nghĩa nhân văn được nhìn nhận như sau.

Ở cấp độ thế giới quan: Chủ nghĩa nhân văn là toàn bộ những tư tưởng, quan điểm, tình cảm quý trọng các giá trị của con người như trí tuệ, tình cảm, phẩm giá, sức mạnh, vẻ đẹp. Chủ nghĩa nhân văn không phải là một đạo đức đơn thuần mà còn bao hàm cả cách nhìn, đánh giá, con người về

nhiều mặt (vị trí, vai trò, khả năng, bản chất...) trong các quan hệ tự nhiên, xã hội và đồng loại (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử và Nguyễn Khắc Phi, 2007, tr. 342).

Ở cấp độ lịch sử: Chủ nghĩa nhân văn là trào lưu văn hóa-tư tưởng nảy sinh ở Italia và một số nước khác ở châu Âu thời Phục hưng (thế kỷ XIV-XVI). Chủ nghĩa nhân văn là hệ thống tư tưởng lấy con người làm trọng. Các nhà nhân văn chủ trương lấy công cuộc kiến thiết văn hóa là công cuộc của con người và lấy con người, lấy cõi đời làm bản vị, nhận con người làm bản vị cho mọi công cuộc kiến thiết, trước hết là thừa nhận năng lực con người trong sự nghiệp sáng tác (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử và Nguyễn Khắc Phi, 2007, tr. 342).

2. KHUYNH HƯỚNG NHÂN VĂN TRONG
TẬP THƠ *ÁNH TRẮNG* CỦA NGUYỄN DUY

2.1. Nguyễn Duy và thơ ca

Nguyễn Duy là một trong những nhà thơ có nhiều tập thơ xuất bản và được nhiều độc giả nhiệt tình đón nhận. Từ thập niên 1970, thơ ông được đăng trên các báo. Đến năm 1973, Nguyễn Duy thật sự nổi tiếng với chùm thơ *Hơi ẩm ổ rơm, Tre Việt Nam, Bầu trời vuông, Cát trắng, Ánh trắng, Mẹ và em, Đãi cát tìm vàng, Đường xa,*

¹ Phan Thị Quỳnh Như. Thạc sĩ. Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang.

Quà tặng,... Năm 1984, Nguyễn Duy được nhận giải thưởng A do Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức với tập thơ *Ánh trăng*. Năm 2007, nhà thơ được tặng giải thưởng cao quý của Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Nguyễn Duy cho ra đời nhiều tập thơ có giá trị nhưng tiêu biểu nhất là tập thơ *Ánh trăng* (1984). Tập thơ được xem như là một bước tiến mới trong thơ Nguyễn Duy. Cái tôi được bộc lộ riêng tư, thâm kín mà sâu sắc, mạnh mẽ. Cái nhìn của Nguyễn Duy về con người và đời sống là cái nhìn đa diện về hiện thực. Hiện thực cuộc sống được nhà thơ khám phá đa chiều trong các mối quan hệ phức tạp, đan xen, đối lập. Có thể nói Nguyễn Duy là một trong những nhà thơ tiên phong khai thác các vấn đề nhạy cảm, những góc khuất trong tâm hồn, những mặt trái trong đời sống để chiêm nghiệm, hướng con người đến cuộc sống tốt đẹp, nhân bản hơn. Tập thơ là những trải nghiệm, cảm nhận của nhà thơ về năm tháng gian lao trên các nẻo đường chiến tranh của người lính, những ký ức về tuổi thơ, vẻ đẹp của con người trong lao động lam lũ, vẻ đẹp thuần hậu của quê hương,...Tập thơ *Ánh trăng* tiêu biểu cho khuynh hướng nhân văn sau 1975.

2.2. Khuynh hướng nhân văn trong tập thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy

2.2.1. Cái nhìn trần trụi, tự vấn giàu tính triết lý nhân sinh

Trong tập thơ, Nguyễn Duy luôn có ý thức đi sâu vào đời sống nội tâm của con người. Nhiều lần nhà thơ thể hiện cái tôi trần trụi, giằng xé của con người về sự vô tâm đối với những mối thâm tình. Nhà thơ khai thác với phong cách riêng, giàu màu sắc nhân văn bằng ý thơ sâu lắng, thấm đẫm

cái nghĩa tình muôn đời của người Việt. *Đò Lèn* là địa danh, là hồi ký bằng thơ về tuổi thơ của Nguyễn Duy, tác giả đã đề cập đến tình cảm thiêng liêng bà cháu. Khúc trữ tình độc thoại trong tiềm thức là sự hối hận, tự vấn của tác giả về sự vô tâm, thờ hững đối với bà, đến khi tác giả nhận ra thì đã muộn màng:

Tôi đi lính, lâu không về thăm ngoại
dòng sông xưa vẫn bên lở, bên bồi
khi tôi biết thương bà thì đã muộn
bà chỉ còn là một nắm cỏ thôi.

(*Đò Lèn*).

Đọc *Đò Lèn*, người đọc nhận ra đâu đó có một *Đò Lèn* trong mỗi con người để người đọc tự thẳng thốt và thức tỉnh.

Người đọc lại tiếp tục thẳng thốt và thức tỉnh cùng với ánh trăng. Trăng là hình ảnh giản dị và quen thuộc, trong sáng và trữ tình. Với bài thơ *Ánh trăng*, ta bắt gặp hình ảnh vàng trăng mang ý nghĩa triết lý sâu sắc. Đó chính là truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta. Trăng có ý nghĩa đặc biệt với nhà thơ. Đó là người bạn tri kỷ, nghĩa tình và là vàng trăng thức tỉnh cho người lính nào đã lãng quên quá khứ với tháng năm gian khổ của chiến tranh trước biến động của cuộc sống mới:

Hồi chiến tranh ở rừng
vàng trăng thành tri kỷ

...

Từ hồi về thành phố
quen ánh điện qua gương
vàng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường

...

Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc

đủ cho ta giặt mình.

(*Ánh trăng*).

Bài thơ với ngôn ngữ mộc mạc, bình dị mà thấm thía lòng người. Có lẽ nhà thơ muốn gửi đến chúng ta thông điệp: Ánh trăng như tấm gương để ta soi mình và tự thức tỉnh lương tri.

2.2.2. Sự cảm thông trước những phận người sau chiến tranh

Mất mát, đau thương là hệ quả tất yếu, một mảng hiện thực sâu rộng của chiến tranh chống Mỹ khốc liệt. Nguyễn Duy đã khai thác và tái hiện với những mức độ đậm nhạt khác nhau nhưng đều xúc động đến quận lòng. Chiến tranh đã đi qua nhưng nỗi đau còn lại là sự chia ly, cách trở của những người thân - cha xa con, anh xa em, vợ xa chồng:

Có người chưa gặp người thân
có người không gặp người thân
vợ lạc chồng
anh lạc em
và cha lạc con
ai còn?
ai mất?

(*Tìm thân nhân*).

Những câu hỏi tu từ càng khắc sâu thêm nỗi đau xa cách về không gian giữa người sống và người mất. Tuy vậy, tác giả không chỉ khai thác phương diện nỗi đau về mất mát do chiến tranh gây ra mà nhà thơ còn tinh tế, nhạy cảm trước tổn thất tinh thần âm ỉ ngiệt ngã đến xót xa. *Trở lại khúc hát ru* là bài thơ thể hiện niềm đau của sự chia cách cõi lòng tám năm ròng của những người vốn đã yêu nhau nhưng họ lại không trọn niềm vui trong ngày sum họp “trước vách núi cheo leo, dựng đứng trong lòng” đau đáu vô bờ khi người vợ đã không giữ

được sự thủy chung “Vợ anh vừa để một thằng cu”. Dư vị của chiến tranh là vết đau tinh thần nhức nhối, không gì bù đắp được nhưng người đọc sẽ thấm thía vô cùng khi nhận ra sự cao thượng vị tha, thấu hiểu của người chiến sĩ đối với người vợ trẻ lỗi lầm. Hướng khai thác thiên về nội tâm được Nguyễn Duy chạm khắc một cách tinh tế và mới mẻ hơn so với những nhà thơ cùng thời với ông:

Để có được ngày sum họp lớn
ta trải qua nhiều xa cách và hi sinh
người chết xa người sống lẽ đành
những người sống xin đừng xa nhau nữa!

(*Trở lại khúc hát ru*).

Cách nhìn, cách nghĩ đó hay chẳng là cách nghĩ của một Nguyễn Duy nhân hậu, giàu lòng vị tha, biết cảm thông với những phận người sau cuộc chiến?

2.2.3. Đề cao khát vọng, ước mơ và năng lực cá nhân của con người

Nguyễn Duy luôn có ý thức tôn trọng, đề cao những ước mơ, những khát vọng, đi sâu vào khám phá đời sống nội tâm của con người. Nhiều lần nhà thơ đã nói đến những ước mơ, khát vọng của con người. Ước mơ, khát vọng bình dị, mộc mạc mà rất đời nhân văn. Đó là khát vọng của những chiến sĩ được trở về khi hòa bình lập lại:

Tất cả họ, suốt một thời máu lửa
đều ước ao thật giản dị
sắp về!

(*Nghe tắc kè kêu trong thành phố*).

Con người trong chiến tranh đã tự ý thức chính đời sống của mình, ý thức được vị trí của mình trong cuộc sống. Được sống, được trở về là khát vọng lớn nhất, cháy bỏng nhất của các anh. Ước mơ nhỏ bé

nhưng đâu phải ai cũng thực hiện được. Tác giả cũng là một người lính trở về từ chiến trường ác liệt và bất chợt giật mình khi nghe tiếng tắc kè kêu. Kỷ niệm một thời lửa đạn như sống lại trong nhà thơ “Chợt hiện về, thăm thẳm núi non kia” là khát vọng của những người lính chiến đấu “đêm trăn trở đổ nhau: bao giờ về thành phố?”. Nguyễn Duy đã thấu hiểu và tái hiện lại khát vọng của những người lính trẻ như một lời tưởng niệm vì trong số họ có nhiều người đã vĩnh viễn ở lại chiến trường. Sự đồng cảm của tác giả khi thấu hiểu khát vọng của đồng đội khiến người đọc hôm nay suy ngẫm: Ta sống và sống thế nào?

Ở tập thơ *Ánh trăng*, Nguyễn Duy không chỉ đề cao khát vọng, ước mơ của con người mà ông còn trân trọng năng lực cá nhân của họ. Con người là hoa của đất, là đối tượng trung tâm của văn chương nghệ thuật. Do đó những người có tài năng đặc biệt càng đáng ca ngợi. Đó là tiếng đàn “êm như tóc” của cô gái cất lên từ cây vĩ cầm. Điều đáng nói là bàn tay bay bổng trên những phím đàn du dương là bàn tay nhọc nhằn quét rác, vắn xe đá, chăm chút gia đình và đầy vết xước của cuộc sống nhọc nhằn áo cơm đời thường:

Chưa sâu bằng đêm nay tôi nghe em
tiếng đàn êm như tóc
tiếng lặn đạn mây trôi bèo dạt
tiếng bàn tay mang vết xước thường ngày.

(*Âm thanh bàn tay*).

Dù vậy, Nguyễn Duy không chỉ đề cao năng lực con người qua việc phát hiện ra năng lực của con người mà nhà thơ còn thể hiện quan điểm: phải biết mở rộng tầm nhìn cho tài năng phát tiết. Đây mới là nhân văn. Với 30 bài trong tập thơ *Ánh*

trăng, người đọc không thể không ấn tượng với bài thơ *Và lời của quả*. Ta bắt gặp ở đó một tư duy thơ mới mẻ và hiện đại của một Nguyễn Duy có góc nhìn rất tiến bộ và đáng trân trọng:

Xin đừng ngại lửa quả non
quả non sẽ chín, hạt non sẽ già.

...

Mỗi ngày một tốt tươi thêm
Cây cao bóng cả hãy tin quả này.

(*Và lời của quả*).

Đó là niềm tin, sự khích lệ, hoài vọng của tác giả vào năng lực lớp trẻ. Con người ai cũng có năng lực riêng cần được thử sức, nuôi dưỡng, phát huy. Ca ngợi và đề cao năng lực con người là việc làm mang ý nghĩa nhân văn. Nó có sự tác động cổ vũ cho cái đẹp, cổ vũ cho quyết tâm rèn luyện của con người. Nguyễn Duy đã làm được và làm tốt điều đó trong tập thơ của mình.

2.2.4. Ngợi ca vẻ đẹp con người trong công việc

Hình tượng con người được khắc họa trong tập thơ là vẻ đẹp của con người trong những hoàn cảnh khác nhau. Đó là vẻ đẹp của cô giáo trẻ kiên trì, anh dũng cầm súng, không sợ bom rơi lửa đạn chiến tranh:

Trường sơ tán rồi, cô giáo còn chốt lại
khẩu súng thép chéo lưng con gái
ôi tám lưng kia ngỡ sinh ra để mà mềm mại.

(*Dạ hương*).

Nếu như trong chiến tranh tác giả đề cập nhiều đến vẻ đẹp con người với lòng kiên trì, là sự quên mình vì lý tưởng cách mạng thì sau cuộc chiến tác giả đi sâu vào khai thác vẻ đẹp con người góc độ đời thường. Họ hiện lên trong những trang thơ

của Nguyễn Duy là mang tất cả vẻ đẹp bình dị, gần gũi. Đó là hình ảnh của người lao động lam lũ “chịu đen da” làm ra hạt muối (Muối trắng). Đó là hình ảnh của ông già sông Hậu chất phác với tấm lòng rộng lượng, đầy nghĩa tình và thâm lặng hi sinh cho quê hương. Bằng ngôn ngữ thơ mộc mạc, dung dị, thuần chất Nam Bộ như chính vẻ đẹp của con người miền Tây Nam Tổ quốc, tác giả đã ca ngợi vẻ đẹp chân chất, không màng danh lợi nhưng giàu lòng tình người:

Ai nghèo thiếu, qua chia cơm sẻ áo
bụng người sôi cũng sôi giống bụng ta
ki cốp một thân làm chi cho cực
giàu ở lòng còn đẹp ở thịt da...

Chủ giục khách nhậu đi đừng hỏi nữa
việc bán lúa dư đăng báo chi cho phiền
dư ít nuôi làng, dư nhiều nuôi nước
thành tích có gì mà phải nêu tên.

(*Ông già sông Hậu*).

Ngoài ra, Nguyễn Duy còn dành những trang thơ để ca ngợi những người tạo ra nghệ thuật chân chính. Họ dùng cả quãng đời mình cho điệu múa, họ hi sinh tuổi xuân, máu và nước mắt để cống hiến cho nghệ thuật. Tác giả ca ngợi nét đẹp hình thể và vũ điệu tài hoa của những vũ nữ hoàng gia Campuchia:

Đá Ăng-co bao nhiêu tuổi rồi,
cái đẹp dịu mềm bền hơn cả đá
Áp-xa-ra sống qua bao kiếp người
qua đầm đìa mồ hôi, qua máu và nước mắt
bao nhiêu triệu đại chết đi rồi
Áp-xa-ra sống mãi.

(*Áp-xa-ra - người múa và điệu múa*).

2.2.5. Đề cao giá trị văn hóa dân tộc

Nếu một tác phẩm được đánh giá là mang

giá trị nhân văn thì tác phẩm ấy tất yếu mang giá trị văn hóa dân tộc. Tập thơ *Ánh trăng* cũng thế. Giá trị văn hóa dân tộc như đã tự thân có trong hồn thơ Nguyễn Duy, là hơi thở, là tâm thức. Nhưng giá trị văn hóa ấy không to tát, kỳ vĩ mà cứ tự nhiên đi vào thơ ông rất đời dân dã, bình dị, thân quen hiển nhiên như cuộc sống. Có lẽ vì thế mà Chu Văn Sơn gọi ông là *thi sĩ thảo dân* (Chu Văn Sơn, 2004). Cái dân dã, bình dị ấy là *men rượu, chiếc cầu, đình làng, con dốc, gánh chè xanh, mò cua xúc tép, khói trầm, điệu hát văn*; là những địa danh của quê nhà đi vào trong thơ như: *Thanh Hóa, Quảng Xá, Cầu Bó, đình nhà Lê, Sông Mã, Tây Bắc, cầu Bùng, cầu Ghép, Trường Sơn, lũng Tà Con, cổng Na, chùa Trần, đền Cây Thị, đền Sòng, Quán cháo, Đồng dao, ga Lèn* (Cầu Bó, Đò Lèn). Tất cả chứa chất bao tình làng nghĩa xóm - nơi sinh hoạt của con người còn giữ nét “chân quê”. Thơ ông vì thế thường sử dụng thi liệu dân gian như hát ru, ca dao, đồng dao và lồng ghép những hoạt động văn hóa tín ngưỡng như thờ Phật, tiên, lên đồng, làm lễ, hát văn. Người đọc nhận thấy trong thơ là ký ức của chính tuổi thơ Nguyễn Duy. Ký ức nguồn cội luôn sống trong lòng tác giả với tất cả di sản văn hóa tinh thần mang hơi thở dân tộc:

Ai qua Thanh Hóa về Quảng Xá
men rượu là hương vị làng tôi
nhắc Cầu Bó chắc nhiều người còn nhớ
đình nhà Lê rêu phủ đã bao đời.

(*Cầu Bó*).

Có một làng quê Quảng Xá trong Nguyễn Duy. Có một làng quê riêng đậm giá trị truyền thống văn hóa dân tộc trong lòng độc giả!

3. KẾT LUẬN

Ngôn ngữ trong thơ Nguyễn Duy không trau chuốt, cầu kỳ mà dân dã, tỏa ra một vẻ đẹp riêng của một cuộc hành trình “tìm cái Đẹp trong cái Khổ” (Chu Văn Sơn, 2004). Tập thơ *Ánh trắng* mang nhiều cung bậc yêu thương, trăn trở về cuộc sống và tình cảm sâu kín trong tâm hồn Nguyễn Duy. Những phát hiện, chiêm nghiệm những phần chìm trong cuộc sống của tác giả khiến người đọc phải suy ngẫm, tự vấn. Cảm hứng nhân văn trong thơ Nguyễn Duy như mạch nước triết lý ngấm sâu trong lòng đất khiến con người hồi sinh cây trái. Bạn đọc thơ yêu *Ánh trắng* để biết trân trọng những giá trị đạo đức tốt đẹp, truyền thống, biết bồi đắp những khát vọng, ước mơ cao cả, biết hồi hướng về chân, thiện,

mỹ trong đời sống nhân sinh. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chu Văn Sơn. 2004. *Nguyễn Duy thi sĩ thảo dân*. <http://evan.vnexpress.net>.
2. Đinh Quang Tồn. 2007. *Ánh trắng có mãi trong xanh*. <http://vnca.cand.com.vn>.
3. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử và Nguyễn Khắc Phi. 2007. *Từ điển thuật ngữ văn học*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
4. Lê Quang Hưng. 1986. *Thơ Nguyễn Duy và Ánh trắng*. Tạp chí Văn học.
5. Nguyễn Duy. 1984. *Ánh trắng*. Nxb. Tác phẩm mới.
6. Nguyễn Quang Sáng. 1987. *Đi tìm tiềm lực trong thơ Nguyễn Duy*. Tạp chí Người Hà Nội.